

1.Mục đích điều tra thăm dò

Điều tra thăm dò này là nhằm mục đích làm rõ ràng thực trạng sau khi về nước của thực tập sinh kỹ năng, để nắm rõ được sự thay đổi tình trạng việc làm chức vụ sau khi tiếp thu và học hỏi được kỹ thuật, kỹ năng, kiến thức ở Nhật để làm tài liệu căn bản việc quản lý suông sẻ, chính đáng cho chế độ thực tập sinh kỹ năng.

2. Đối tượng điều tra thăm dò

24,789 thực tập sinh(Trung quốc, Việt nam, Indonesia, Philippine và Thái Lan) (trong những thực tập sinh kỹ năng mà đã hoàn thành thực tập kỹ năng số 2 của năm 2018) và đã về nước trong khoản thời gian từ tháng 8 cho đến tháng 11 của năm 2019 (kể cả con số đang dự định)

3. Phương pháp điều tra thăm dò

- (1) Gửi bản điều tra thăm dò và phương pháp trả lời qua mạng đúng số đối tượng đến những nghiệp đoàn tiếp nhận thực tập sinh và nhờ phân phát đến tận tay cho các đương sự.
- (2) Đối tượng điều tra trả lời vào bản điều tra thăm dò, và sau đó gửi bản điều tra thăm dò ý kiến từ nước sở tại đến văn phòng điều tra thuộc cơ quan thực tập sinh kỹ năng, hoặc trả lời qua mạng từ nước của mình.
- (3) Đáp án không ghi tên, phương thức chọn lựa, (có một phần được ghi tự do)

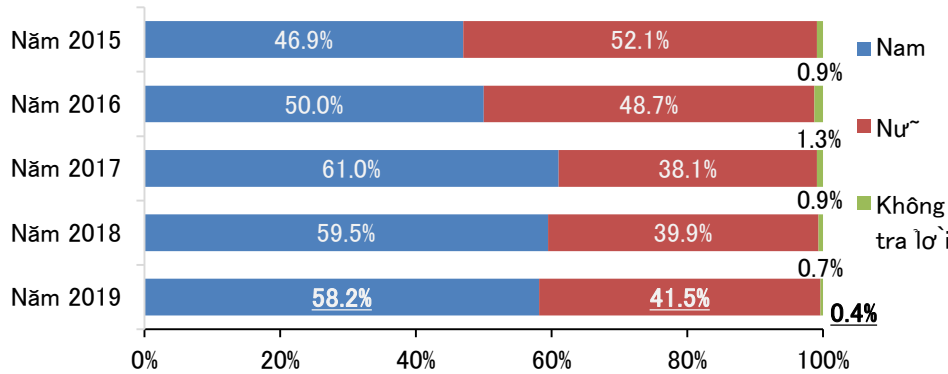
4.Số lượng trả lời có hiệu lực ▪ Tỷ lệ thu hồi

Đối tượng điều tra thăm dò	Số lượng trả lời có hiệu lực	Tỷ lệ thu hồi
24,789	7,096	28.6%

Chi tiết của Đối tượng trả lời có hiệu lực

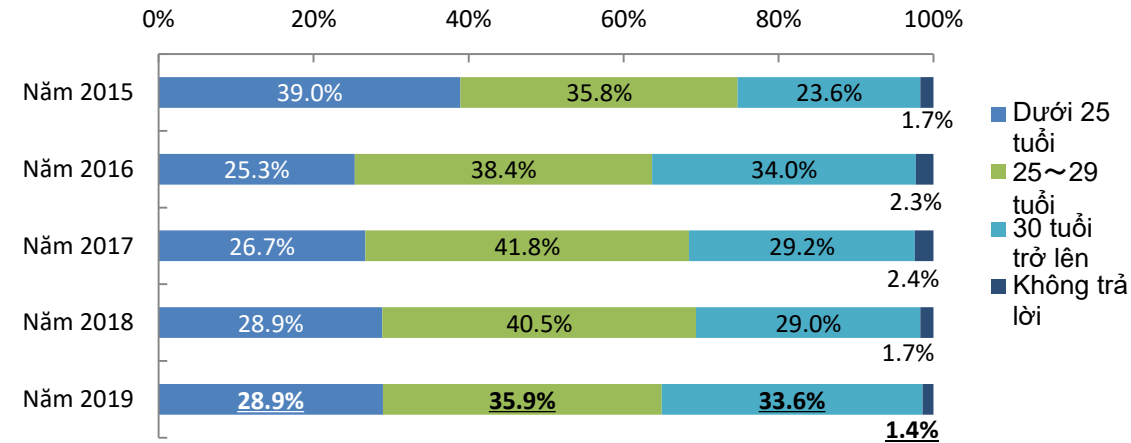
Theo giới tính của thực tập sinh kỹ năng

Tỉ lệ 「Nam」 Chiếm 58.2%, Tỉ lệ 「Nữ」 Chiếm 41.5%



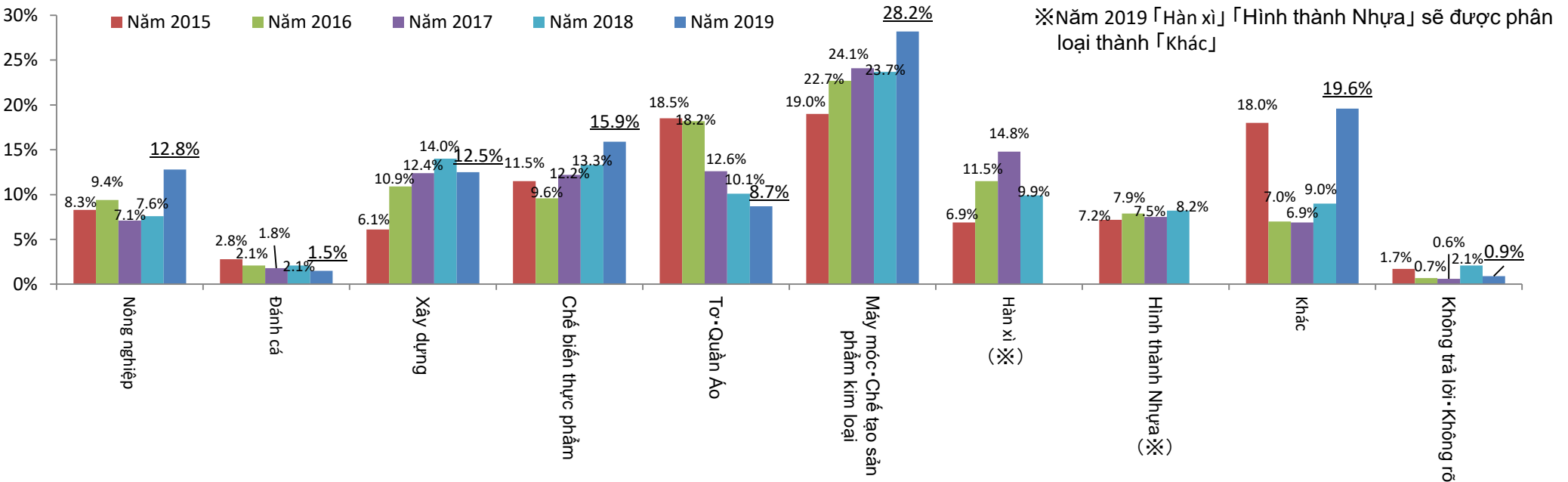
Theo độ tuổi của thực tập sinh kỹ năng

Tỉ lệ độ tuổi dưới 30 chiếm 64.8%



Loại công việc của thực tập sinh kỹ năng

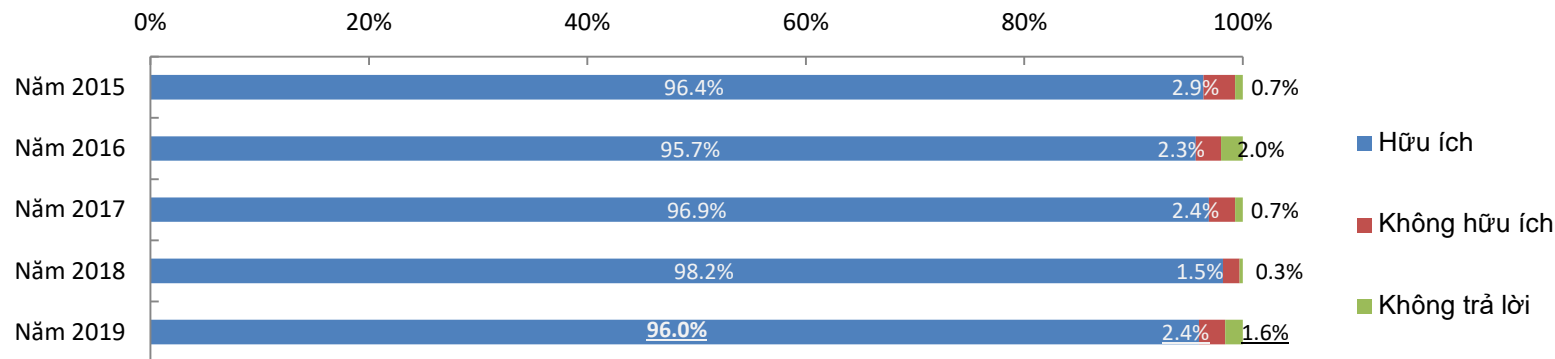
Đang tăng lên nhiều dần theo thứ tự như 「Ngành Máy móc・Kim loại (28.2%)」, 「Khác (19.6%)」, 「Chế biến thực phẩm (15.9%)」.



Hiệu quả của việc thực tập kỹ năng

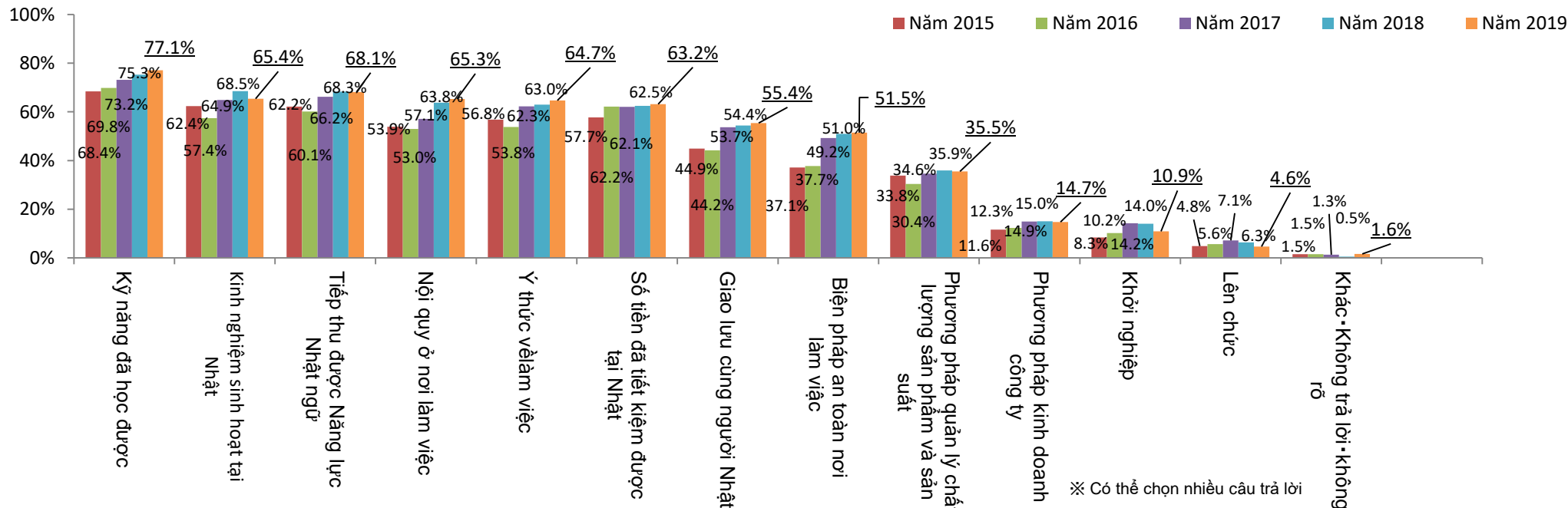
Hiệu quả của việc thực tập kỹ năng

Tỉ lệ của người trả lời về việc học hỏi thông qua quá trình thực tập có hữu ích chiếm 96.0%.



Nội dung hữu ích

Chi tiết nội dung có hữu ích cao nhất 「Kỹ năng học được」 là 77.1%、「Học hỏi được Năng lực Nhật ngữ」68.1% , Tiếp theo đó là 「Kinh nghiệm sinh sống tại Nhật」65.4% .

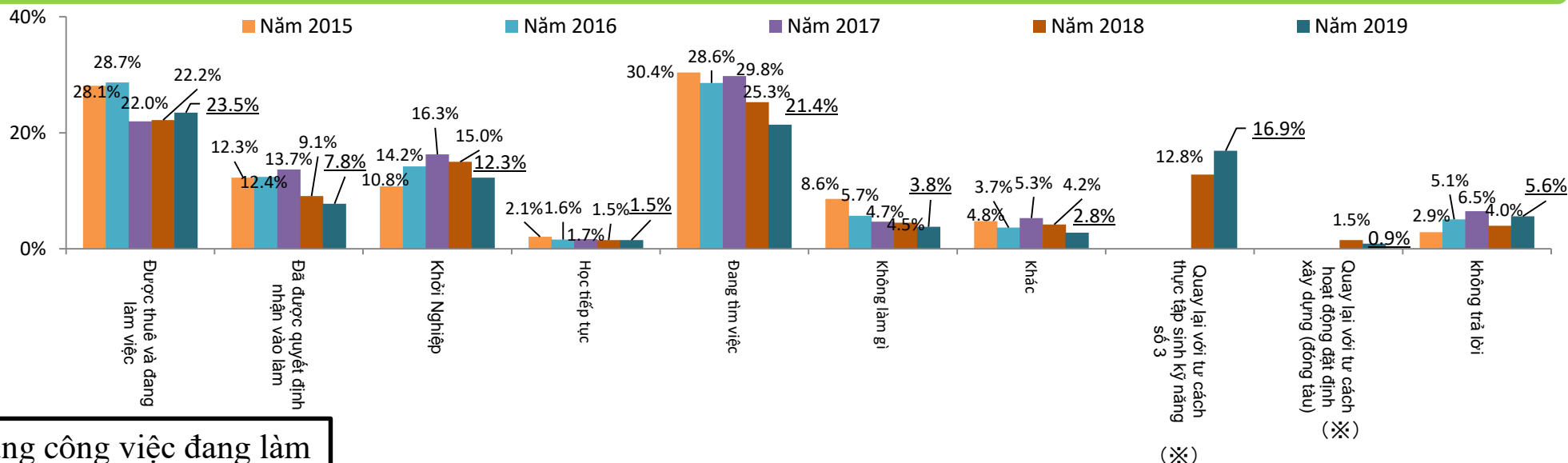


Tình hình công việc sau khi đã về nước

Tình hình công việc sau khi đã về nước

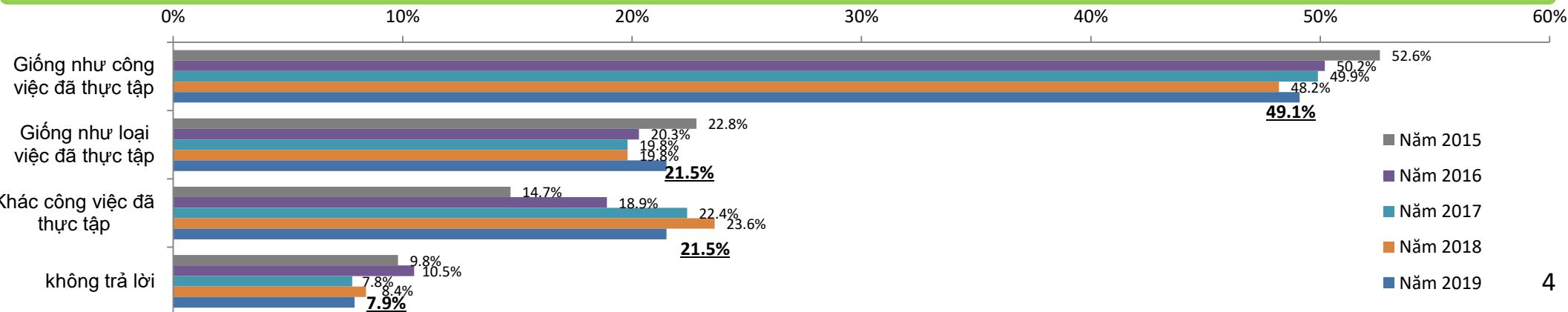
※ 「 Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3 」 và 「 Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu)」 đã được thêm vào phần chọn năm 2018, hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu) là tư cách đã được khẩn cấp đề ra khẩn cấp để nhận lao động người ngoại quốc cho ngành xây dựng (đóng tàu).

Về tình hình công việc sau khi đã về nước 「Được thuê và đang làm việc (23.5%)」, 「Đã được quyết định thuê vào làm (7.8%)」, và 「Khởi nghiệp (12.3%)」, tổng số người đã trả lời 43.6% Và thêm nữa, số người trả lời sau khi về nước 「Đang tìm việc」 là 21.4%. Tình hình loại việc thì theo như ở P9. Tình hình Quốc tịch thì theo như ở P10. và phân loại theo nội dung thực tập thì như P11.



Nội dung công việc đang làm

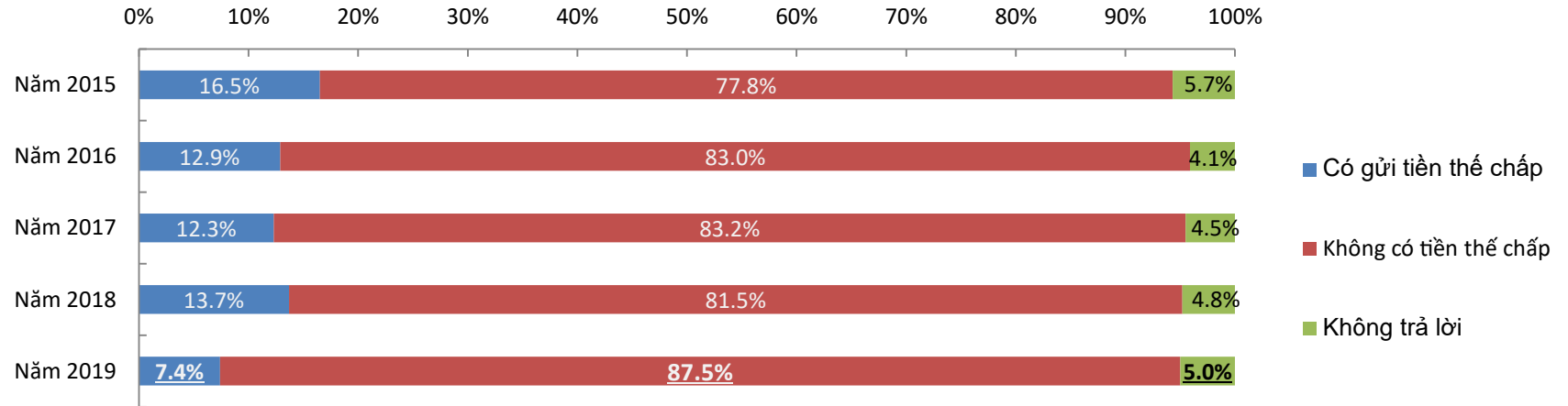
Trong số người đã trả lời 「Được thuê và đang làm việc」, 「Đã được quyết định thuê vào làm」, và 「Khởi nghiệp」 Nội dung công việc đang làm 「Giống như công việc đã thực tập (49.1%)」 và 「Giống như loại việc đã thực tập (21.5%)」 tổng tỉ lệ chiếm 70.6%.



Có hoặc không có tiền thế chấp

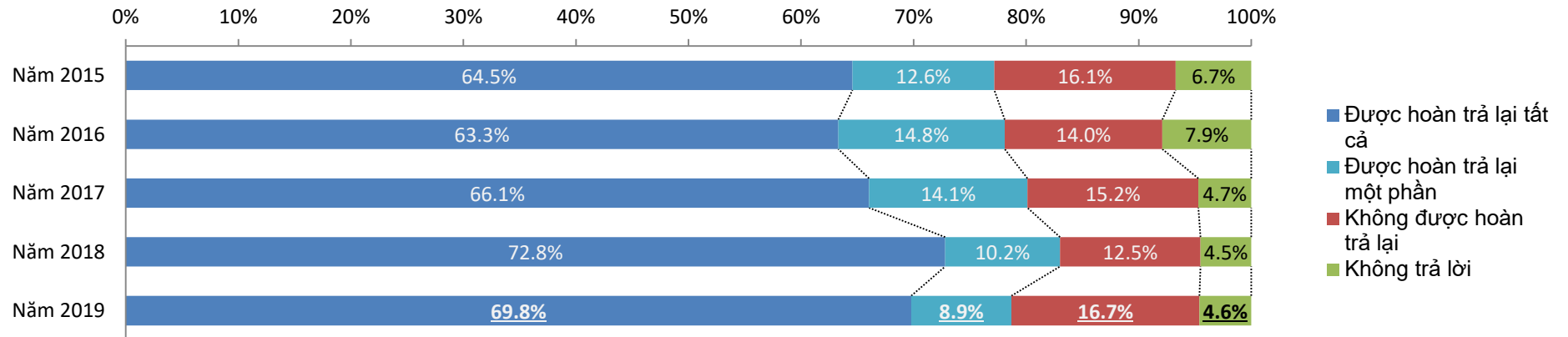
Có hoặc không có tiền thế chấp

Tỉ lệ số người trả lời 「không có tiền thế chấp」 có 87.5%.



Có hoặc không hoàn trả tiền thế chấp

Đối với người đã trả lời 「Đã gửi tiền thế chấp」, khi có hỏi về tình hình hoàn trả như thế nào thì 69.8% đã trả lời là 「Đã được hoàn trả toàn bộ」



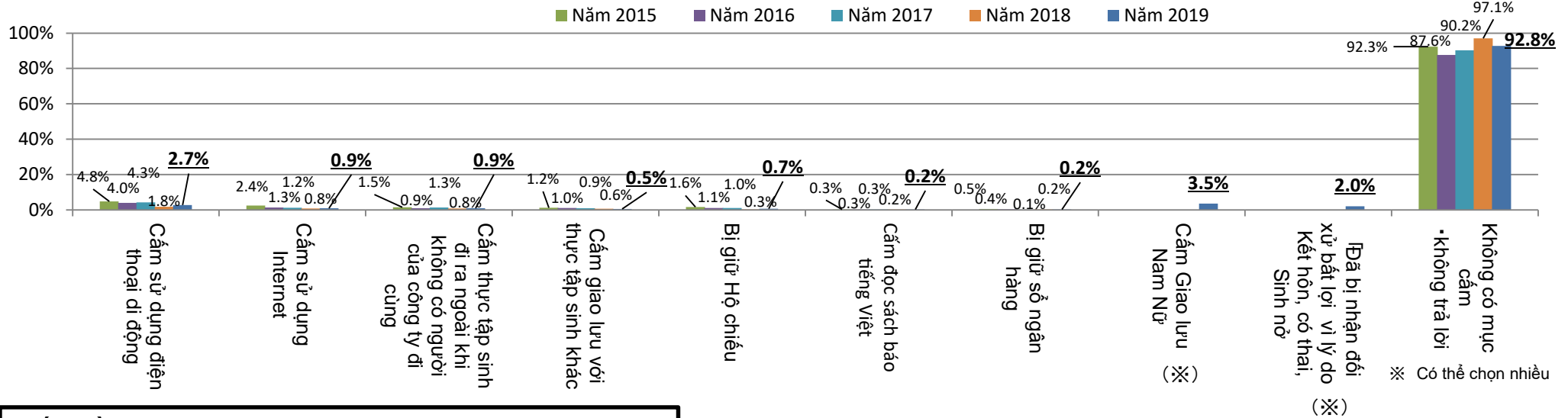
※ Tiền thế chấp là số tiền mặt, bất động sản mà chính tập sinh hoặc người thân ký gửi cho công ty phái cử và nghiệp đoàn quản lý để bảo đảm và đền bù khi thực tập sinh bỏ trốn. Thêm nữa, đó không phải là số tiền đã vay để làm chi phí sang Nhật.

Có hoặc không có vấn đề trong thời gian cư trú

Mục nghiêm cấm trong hóa trình thực tập (cư trú)

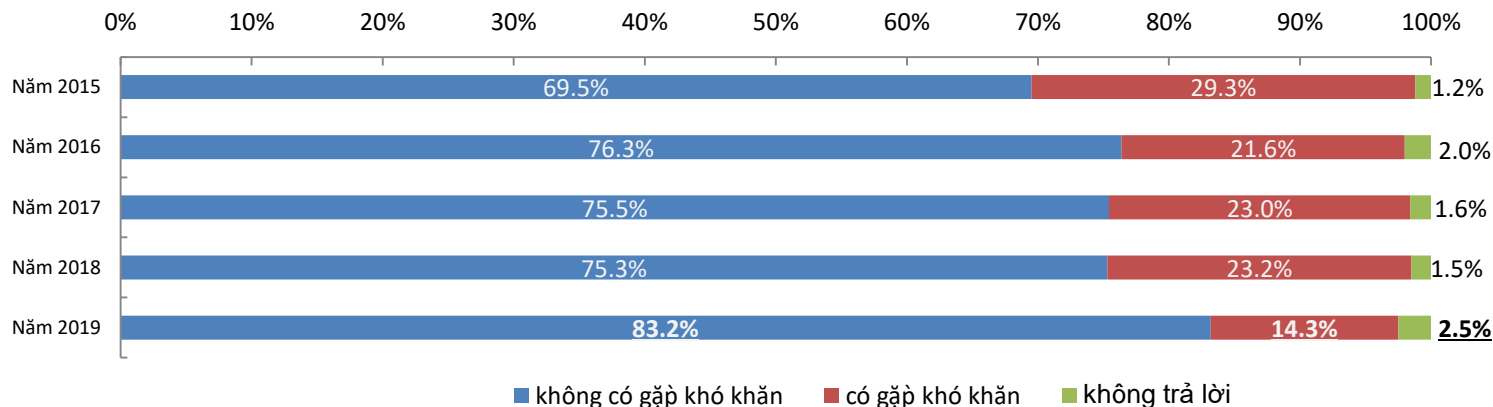
※ Mục 「Cấm Giao lưu Nam Nữ」 và 「Đã bị nhận đối xử bất lợi vì lý do Kết hôn, có thai, Sinh nở」 đã được thêm vào phần lựa chọn kể từ Năm 2019.

92.8% đã trả lời (cả không trả lời)「Không có mục nghiêm cấm」. Còn về nội dung của mục nghiêm cấm nhiều nhất là 「Cấm Giao lưu Nam Nữ」 là 3.5% và kế tiếp đó là「Cấm sử dụng điện thoại di động」2.7%.

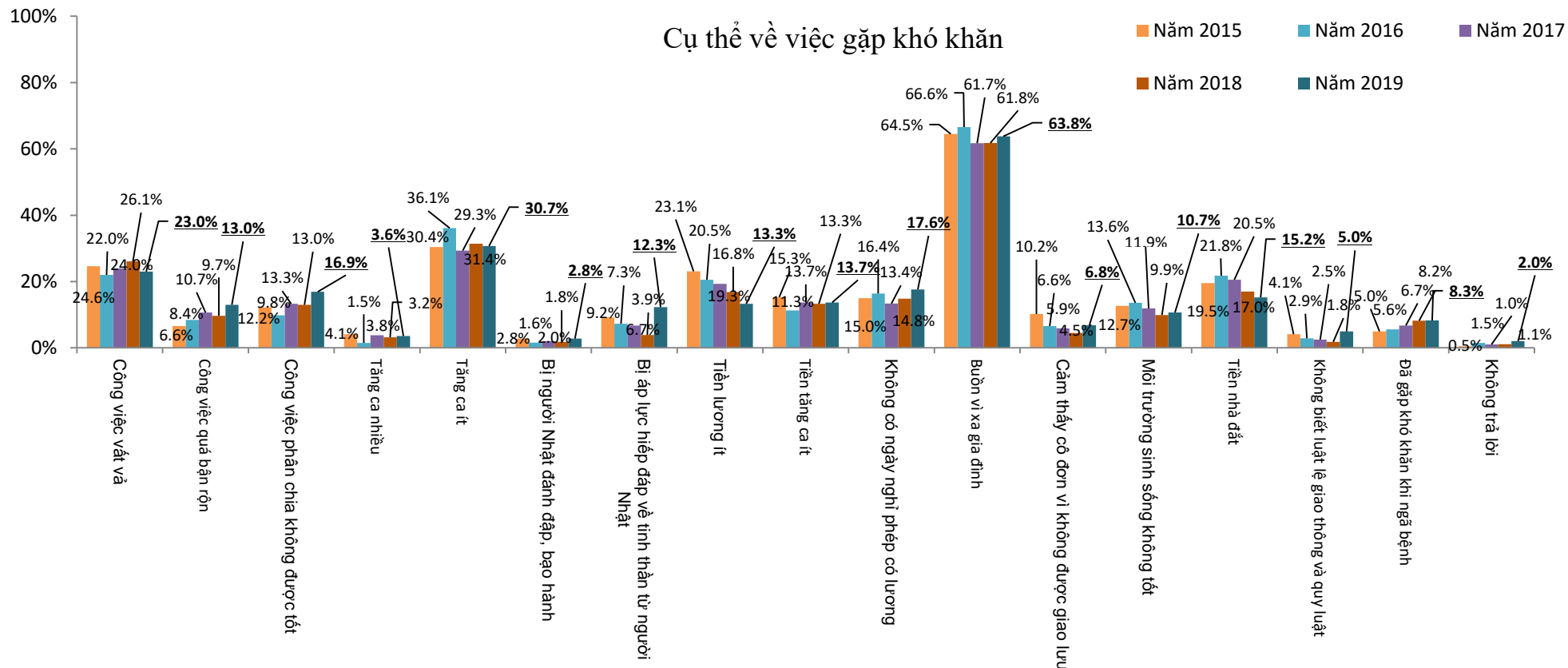


Vấn đề khó khăn trong hóa trình thực tập (cư trú)

Khi hỏi về vấn đề khó khăn trong thời gian cư trú ở Nhật bản ngoài vấn đề giao tiếp ra thì 83.2% trả lời là 「không có gặp khó khăn」. Nội dung cụ thể của 63.8% người đã trả lời 「đã có gặp khó khăn」 nhiều nhất là 「vì xa gia đình nên rất nhớ nhà」.



Vấn đề khi cư trú



※ Có thể chọn nhiều câu trả lời

Phần điền tự do (Ý kiến khác)

Trong phần trả lời có hiệu lực của 7,096 người, đã có 870 người đưa ra ý kiến. Ngoài ý kiến trên thì cũng có ý kiến như sau.

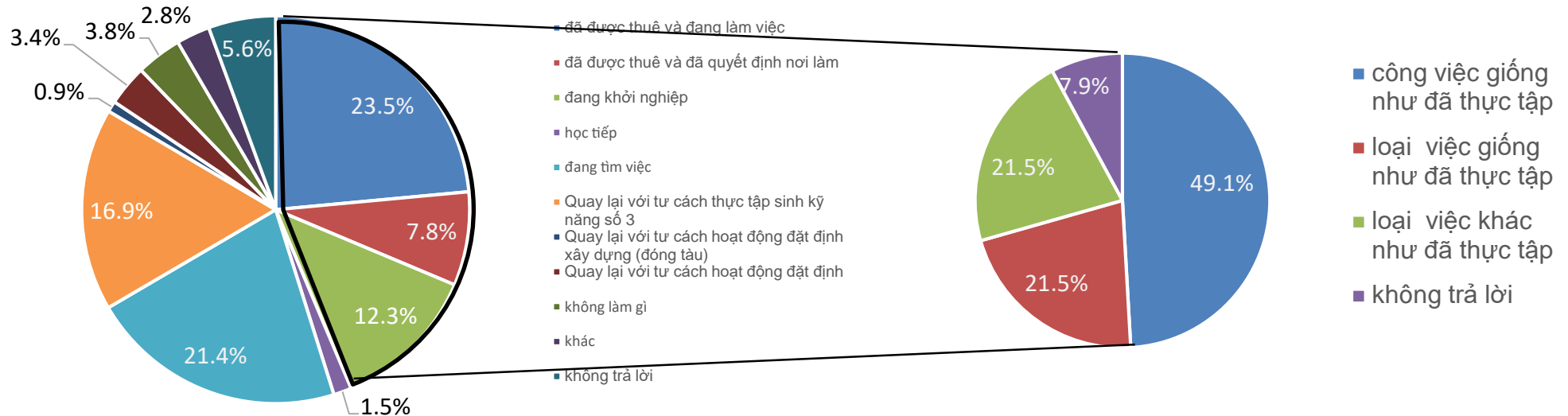
- Sau khi sang Nhật bản, tôi nghĩ là mong được tiếp tục hỗ trợ thêm về việc học Nhật ngữ.
- Về giờ giấc Lễ bái, Cầu nguyện tôi mong được đối xử Khoan dung hơn nữa.
- Khi có vấn đề và muốn thoải mái được tư vấn, có người chỉ dẫn hoặc nhân viên là phụ nữ sẽ tốt hơn.
- Thi chuyển giai đoạn 3 rất là khó cho người nước ngoài.
- Lúc ban đầu thì công việc và kể cả tiếng Nhật hoàn toàn không có biết gì cả, do đó cảm thấy thật là vất vả. Nhưng khi thời trôi qua, và dần dần hiểu được, lúc đó cảm thấy rất là thú vị.
- Khi trải nghiệm được thực tập kỹ năng, Nhật ngữ, kỹ năng Nhật bản, và học được rất nhiều quy luật, tôi cảm thấy rất là vui sướng.
- Tôi cảm thấy có bị phân biệt vì là người lao động nước ngoài, tôi nghĩ rằng phải có sự bình đẳng.
- Tôi mong được có sự tuyển cử chỗ làm việc sau khi đã về nước.

Tình trạng công việc sau khi về nước (Toàn thể)

Tình trạng công việc sau khi về nước

Về tình hình việc làm của thực tập sinh sau khi về nước 「đã được thuê và đang làm việc (23.5%), 「đã được thuê và đã quyết định nơi làm (7.8%)」 hoặc là 「đang khởi nghiệp (12.3%)」 tổng cộng tỉ lệ 43.6%.

Trong số người đã trả lời 「đã được thuê và đang làm việc」, 「đã được thuê và đã quyết định nơi làm」 hoặc là 「đang khởi nghiệp」 Những nội dung công việc mà thực tập sinh theo làm, 「công việc giống như đã thực tập (49.1%)」 hoặc 「loại việc giống như đã thực tập (21.5%)」 tổng cộng tỉ lệ câu trả lời là 70.6%.



	Năm 2019 (Năm 2018)	
Đã được thuê và đang làm việc	23.5%	(22.2%)
Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	7.8%	(9.1%)
Đang khởi nghiệp	12.3%	(15.0%)
Tổng kết 3 điểm trên (※1)	43.6%	(46.2%)
Đang học tiếp	1.5%	(1.5%)
Đang tìm việc	21.4%	(25.3%)
Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3 (※2)	16.9%	(12.8%)
Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu) (※2)	0.9%	(1.5%)
Quay lại với tư cách hoạt động đặt định	3.4%	(2.3%)
Không làm gì	3.8%	(4.5%)
Khác	2.8%	(4.2%)
Không trả lời	5.6%	(4.0%)

	Năm 2019 (Năm 2018)	
Công việc giống như đã thực tập	49.1%	(48.2%)
Loại việc giống như đã thực tập	21.5%	(19.8%)
Tổng kết 2 điểm trên (※1)	70.6%	(68.0%)
Công việc khác như đã thực tập	21.5%	(23.6%)
Không trả lời	7.9%	(8.4%)

(※1) Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn.

(※2) 「Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3」 và 「Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu)」 đã được thêm vào phần chọn năm 2018. Hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu) là tư cách đã được khẩn cấp đề ra khẩn cấp để nhận lao động người ngoại quốc cho ngành xây dựng (đóng tàu).

Tình trạng công việc sau khi về nước (Theo loại việc)

		Nông nghiệp	Đánh cá	Xây dựng	Chế biến thực phẩm	Tơ·Quần Áo	Máy móc·Chế tạo sản phẩm kim loại	Khác
Tình trạng công việc sau khi về nước	Đã được thuê và đang làm việc	24.4%	32.1%	13.2%	16.6%	27.3%	27.2%	27.9%
	Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	6.6%	4.6%	8.8%	6.7%	10.4%	8.0%	7.7%
	Đang khởi nghiệp	20.6%	17.4%	12.6%	10.0%	8.3%	11.4%	11.3%
	Tổng kết 3 điểm trên(※)	51.6%	54.1%	34.6%	33.3%	46.0%	46.6%	46.9%
	Học tiếp	0.4%	1.8%	0.9%	2.7%	0.5%	2.1%	1.4%
	Đang tìm việc	16.0%	17.4%	20.4%	17.6%	16.7%	26.0%	25.1%
	Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3	9.0%	18.3%	27.3%	28.7%	20.0%	12.2%	11.7%
	Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu)	0.1%	0.0%	4.7%	0.0%	0.3%	0.8%	0.4%
	Quay lại với tư cách hoạt động đặt định	3.3%	3.7%	4.4%	5.2%	2.4%	2.8%	2.8%
	Không làm gì	3.7%	2.8%	2.3%	5.1%	7.3%	3.1%	3.5%
	Khác	2.1%	0.0%	1.8%	3.1%	3.4%	3.0%	3.1%
	Không trả lời	13.7%	1.8%	3.6%	4.3%	3.3%	3.4%	5.1%
Nội dung công việc	Công việc giống như đã thực tập	43.9%	44.1%	45.9%	44.0%	67.8%	50.6%	47.8%
	Loại việc giống như đã thực tập	22.8%	22.0%	19.9%	25.9%	16.3%	19.1%	24.0%
	Tổng kết 2 điểm trên(※)	66.7%	66.1%	65.8%	69.9%	84.1%	69.7%	71.8%
	Công việc không như đã thực tập	23.0%	16.9%	24.1%	22.9%	9.9%	23.5%	21.0%
	Không trả lời	10.2%	16.9%	10.1%	7.2%	6.0%	6.8%	7.2%

(※1) Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn.

Tình trạng công việc sau khi về nước (Theo tên nước)

		Trung Quốc	Việt Nam	Indonesia	Philippin	Thái
Tình trạng công việc sau khi về nước	Đã được thuê và đang làm việc	37.6%	11.2%	13.5%	31.1%	44.0%
	Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	9.8%	5.2%	4.9%	14.5%	10.7%
	Đang khởi nghiệp	12.5%	10.3%	20.5%	7.9%	4.6%
	Tổng kết 3 điểm trên(※)	59.9%	26.7%	38.9%	53.5%	59.3%
	Học tiếp	0.4%	2.6%	1.4%	0.0%	3.1%
	Đang tìm việc	15.9%	22.7%	34.8%	12.9%	14.8%
	Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3	7.0%	29.9%	11.6%	14.4%	10.5%
	Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu)	0.1%	1.5%	0.4%	2.9%	0.0%
	Quay lại với tư cách hoạt động đặt định	0.9%	5.7%	3.1%	4.6%	2.0%
	Không làm gì	6.1%	2.6%	1.2%	4.4%	7.0%
	Khác	2.9%	3.0%	3.1%	1.9%	0.9%
	Không trả lời	6.8%	5.2%	5.5%	5.4%	2.6%
	Nội dung công việc	Công việc giống như đã thực tập	54.4%	44.8%	28.9%	51.7%
Loại việc giống như đã thực tập		23.2%	22.5%	22.2%	17.1%	16.5%
Tổng kết 2 điểm trên(※)		77.6%	67.3%	51.1%	68.8%	86.0%
Công việc không như đã thực tập		15.3%	23.8%	37.8%	22.7%	11.4%
Không trả lời		7.0%	8.8%	11.2%	8.5%	2.6%

(※) Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn.

Tình trạng công việc sau khi về nước (Theo Loại thực tập)

		Số 1	Số 2	Số 3
Tình trạng công việc sau khi về nước	Đã được thuê và đang làm việc	36.3%	19.0%	25.5%
	Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	6.1%	8.3%	8.5%
	Đang khởi nghiệp	13.5%	11.1%	12.8%
	Tổng kết 3 điểm trên(※)	55.9%	38.4%	46.8%
	Học tiếp	1.1%	1.6%	2.3%
	Đang tìm việc	16.6%	23.9%	16.0%
	Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3	7.7%	20.3%	18.9%
	Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu)	1.5%	0.8%	0.6%
	Quay lại với tư cách hoạt động đặt định	4.0%	3.0%	5.7%
	Không làm gì	2.4%	4.4%	3.5%
	Khác	1.9%	3.1%	2.6%
	Không trả lời	9.1%	4.3%	3.6%
	Nội dung công việc	Công việc giống như đã thực tập	52.1%	50.9%
Loại việc giống như đã thực tập		19.7%	20.7%	34.8%
Tổng kết 2 điểm trên(※)		71.8%	71.6%	68.0%
Công việc không như đã thực tập		20.1%	21.4%	25.8%
Không trả lời		8.1%	7.0%	6.1%

(※) Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn.